

**UBND TỈNH HOÀ BÌNH
SỞ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **26** /SXD-QLHĐXD

Hoà Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2016

V/v: điều chỉnh đơn giá nhân công
trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng
trên địa bàn tỉnh theo Công văn số
2156/BXD-KTXD ngày 22/9/2015
của Bộ Xây dựng.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bùi Văn Khánh tại Công văn số 4893/VPUBND - CNXD ngày 30/9/2015 của Văn phòng UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư số 01/2015/TT-BXD trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Sở Xây dựng đã gửi Công văn số 2027/SXD-QLHĐXD ngày 06/11/2015 đến UBND các huyện, thành phố rà soát, khảo sát thực tế đơn giá nhân công các loại bậc thợ để làm căn cứ xác định đơn giá nhân công trên địa bàn các huyện, thành phố trên cơ sở hướng dẫn thực hiện Thông tư số 01/2015/TT-BXD và Công văn số 2156/BXD-KTXD ngày 22/9/2015 của Bộ Xây dựng (có văn bản kèm theo).

Đến ngày 29/12/2015, Sở Xây dựng mới nhận được ý kiến của Sở Tài chính, UBND các huyện: Lương Sơn, Lạc Thủy, Yên Thủy, Mai Châu, Kim Bôi, Cao Phong, Thành phố Hòa Bình các đơn vị khác không có ý kiến tham gia.

Để đáp ứng chế độ tiền lương cho người lao động trong xây dựng công trình, tính đúng, tính đủ chi phí cho người lao động nhằm tái sức lao động phục vụ cho sản xuất. Sau khi tổng hợp ý kiến, Sở Xây dựng kính đề nghị UBND tỉnh một số nội dung sau:

1. Bổ sung hệ số phụ cấp khu vực, hệ số đất đỏ cho các địa bàn trong tỉnh để tính vào chi phí đầu tư xây dựng được bổ sung chi phí tiền lương trong bộ đơn giá xây dựng ban hành theo văn bản số 1563/UBND-CNXD ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh Hòa Bình (Trừ đơn giá dịch vụ công ích), cụ thể:

| STT | TÊN HUYỆN | TÊN XÃ | HỆ SỐ |
|-----|--------------------|--|-------|
| 1 | Thành phố Hòa Bình | - Xã Thái Thịnh, xã Yên Mông. | 0,2 |
| | | - Các xã, phường còn lại. | 0,1 |
| 2 | Huyện Tân Lạc | - Các xã: Bắc Sơn, Nam Sơn, Lũng Vân, Ngõ Luông, Quyết chiến, Ngòi Hoa. | 0,4 |
| | | - Lỗ sơ, Gia mô, Do Nhân, Phú Vinh, Trung Hòa, Từ Nê, Địch Giáo, Thanh Hối, Đông Lai, Ngọc Mỹ, Mỹ Hòa, Quy Mỹ, Quy Hậu, Phú Cường. | 0,3 |

| | | | |
|----|-----------------|--|--------------------------|
| | | - Các xã còn lại - Thị trấn Mường Khén | 0,2 0,1 |
| 3 | Huyện Lạc Sơn | - Xã Ngọc Sơn, Miền Đồi, Ngọc Lâu, Tự Do, Mỹ Thành. - Các xã: Bình Hém, Văn Nghĩa, Quý Hòa, Tuấn Đạo, Phú Lương. - Các xã: Nhân Nghĩa, Văn Sơ, Tân Lập, Tân Mỹ, Chí Thiện, Chí Đạo, Phúc Tuy, Yên Phú, Định Cư, Hương Nhượng, Bình Chân, Bình Càng, Liên Vũ, An Nghĩa, Yên Nghiệp, Vũ Lâm, Xuân Hóa, Thượng Cốc. - Thị trấn Vụ Bản. | 0,4 0,3 0,2 0,1 |
| 4 | Huyện Lạc Thủy | - Các xã: An Bình, An Lạc, Đồng Mô, Hưng Thi. - Các xã: Liên Hòa, Yên Bồng, Phú Thành, Phú Lão, Đồng Tâm, Cổ Nghĩa, Lạc Long, Khoan Dụ. - Thị trấn Chi nê | 0,3 0,2 0,1 |
| 5 | Huyện Yên Thủy | - Các xã: Bảo Hiệu, Lạc Hưng, Lạc Lương, Lạc Sỹ, Đa Phúc. - Các xã: Đoàn Kết, Hữu Lợi, Yên Lạc, Lạc Thịnh, Phú Lai, Yên Trị, Ngọc Lương. - Thị trấn Hàng Trạm | 0,3 0,2 0,1 |
| 6 | Huyện Mai Châu | - Các xã: Hang Kia, Pà Cò, Piêng Vẽ, Bao La, Săm Khỏe, Tân Sơn, Tân Dân. - Mai Hịch, Nà Mèo và các xã còn lại. - Thị trấn Mai Châu | 0,5 0,4 0,3 |
| 7 | Huyện Đà Bắc | - Các xã: Đoàn Kết, Đồng Chum, Giáp Đất, Hiền Lương, Trung Thành, Mường Chiềng, Mường Tuồng, Đồng Ruộng, Đồng Nghê, Suối Nánh. - Cao Sơn, Hiền Lương, Tân Minh, Tân Pheo, Giáp Đất. - Các xã còn lại. - Thị trấn Đà Bắc | 0,5 0,4 0,3 0,2 |
| 8 | Huyện Kim Bôi | - Các xã: Thượng Tiên, Nuông Dăm, Cuối Hạ, Bắc Sơn. - Các xã còn lại. - Thị trấn Bo | 0,3 0,2 0,1 |
| 9 | Huyện Lương Sơn | - Các xã: Cao Rãm, Trường Sơn, Tiến Sơn, Hợp Hòa, Liên Sơn - Các xã còn lại và Thị trấn Lương Sơn | 0,2 0,1 |
| 10 | Huyện Kỳ Sơn | - Các xã: Phú Minh, Độc Lập, Phú Minh, Yên Quang. - Các xã còn lại | 0,3 0,2 0,1 |

| | | | |
|----|-----------------|---|-------------------|
| | | - Thị trấn Kỳ Sơn, xã Dân hạ, xã Mông hóa | |
| 11 | Huyện Cao Phong | - Các xã: Yên lập, Yên Thượng, Thung Nai, Xuân Phong. - Các xã còn lại. - Thị trấn Cao phong. | 0,3 0,2 0,1 |

2. Cách tính hệ số vào đơn giá nhân công:

Đơn giá nhân công được xác định theo công thức:

$$G^{nc} = (L^{nc} \times K_{kv} + L^{nc} \times H^{cb}) / t \text{ (đồng)}$$

Trong đó: Trong đó:

- G^{nc} : đơn giá nhân công tính cho một ngày công trực tiếp sản xuất xây dựng;

- L^{nc} : Mức lương đầu vào để xác định đơn giá nhân công cho một ngày công trực tiếp sản xuất. Mức lương này đã bao gồm các khoản lương phụ, các khoản phụ cấp lưu động, phụ cấp khu vực, phụ cấp không ổn định sản xuất và đã tính đến các yếu tố thị trường:

+ Thành phố Hòa Bình, huyện Lương Sơn : $L^{nc} = 2.000.000,0đ$;

+ Các huyện trong tỉnh : $L^{nc} = 1.900.000,0đ$.

- H^{cb} : Hệ số lương theo cấp bậc của công nhân trực tiếp sản xuất xây dựng, kỹ sư trực tiếp thực hiện các công việc tại hiện trường như khảo sát địa chất, địa hình, thí nghiệm... được xác định hệ số lương (Theo phụ lục số 2 Thông tư số 01/2015/TT-BXD ngày 20/3/2015 của Bộ Xây dựng kèm theo).

- K_{kv} là Hệ số khu vực .

- t : 26 ngày công làm việc trong tháng.

VD : Lương Nhóm 1 bậc thợ 3/7 có hệ số lương 2,16 tại địa bàn huyện Mai Châu, theo hướng dẫn TT01 thì $G^{nc} / 1$ ngày công là 157.846,0đ

Tại địa bàn huyện Mai châu, vùng 4 lương tối thiểu là 1.900.000,0đ/ tháng, xã Hang Kia có hệ số khu vực 0,5, lương bình quân / ngày công là:

$$G^{nc} = (1.900.000,0 \times 0,5 + 1.900.000,0 \times 2,16) / 26 \text{ ngày}$$

$$G^{nc} = 194.384,0đ/\text{công}$$

Sở Xây dựng kính trình UBND tỉnh xem xét quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGD sở;
- Lưu: VT, QLHXD (Hu08).✓

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Ngọc Huân